CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1

Ngày 30/09/2025	39,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	14.0%	**-9.3%**	**3.9%**

DT thuần
Q3/25
567
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 114| 25.2%
YoY: ▲ 231| 68.8%

LN thuần
Q3/25
28.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.90| 15.9%
YoY: ▲ 19.4| 217%

LN sau thuế
Q3/25
28.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.80| 44.7%
YoY: ▲ 21.2| 290%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.0%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE (TTM)
Q3/25
12.9%
YoY: +/-▲ 2.6%

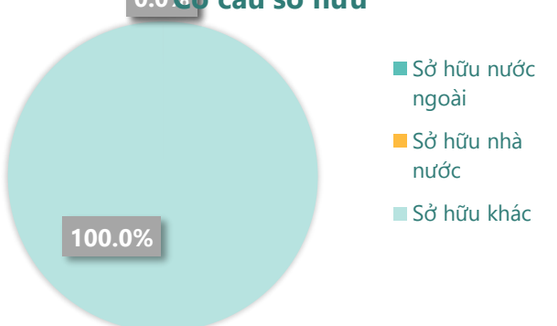
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	28,776 - 50,428
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,115
Số lượng CPLH (CP)	52,998,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,080
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.23
EPS	1,350
P/E	29.6

DT thuần
9T 2025
1,375
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 426| 44.9%

LN thuần
9T 2025
67.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.6| 88.6%

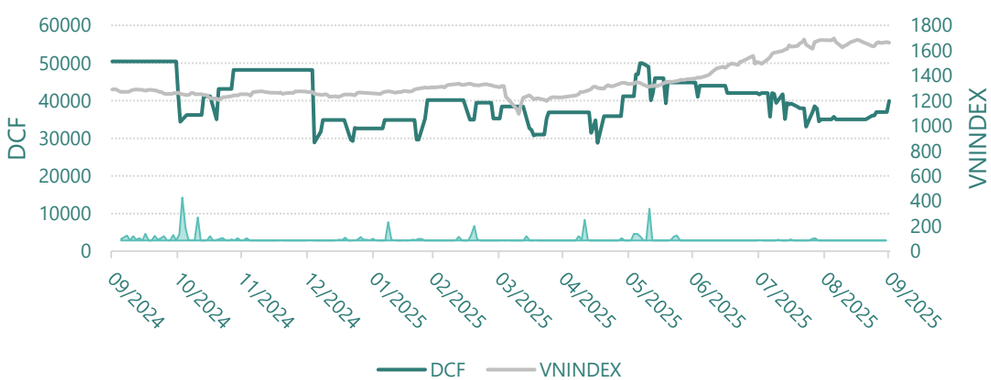
LN sau thuế
9T 2025
60.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.2| 114%

Cơ cấu sở hữu

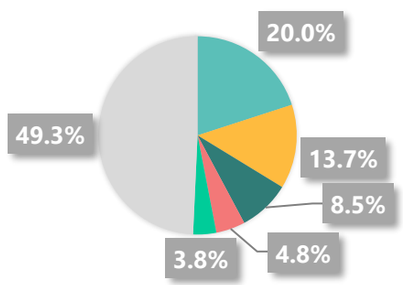


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

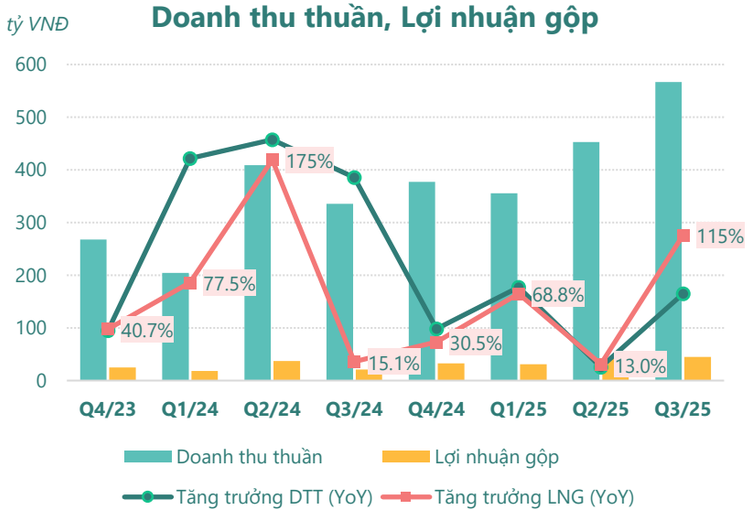


- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Thái Hưng Long
- Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu - Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Vũ
- Phạm Hùng Cường (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Minh Tâm (Tổng giám đốc)
- Chu Quang Huân (Phó Tổng giám đốc)

(Nguồn: fireant.vn)

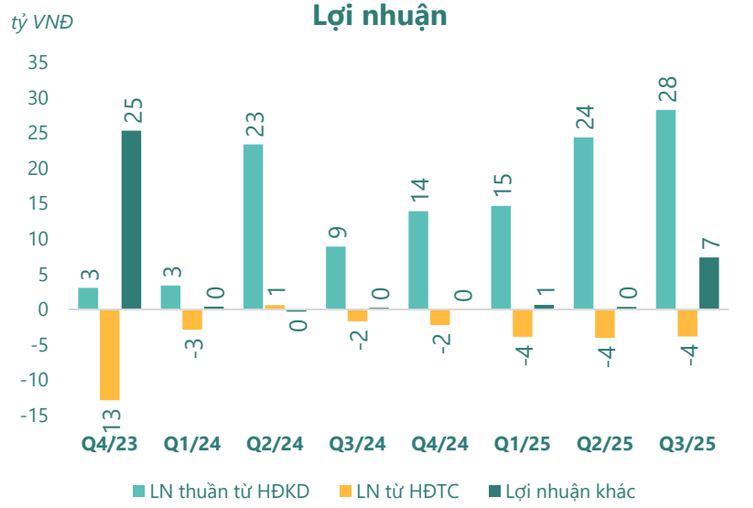
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



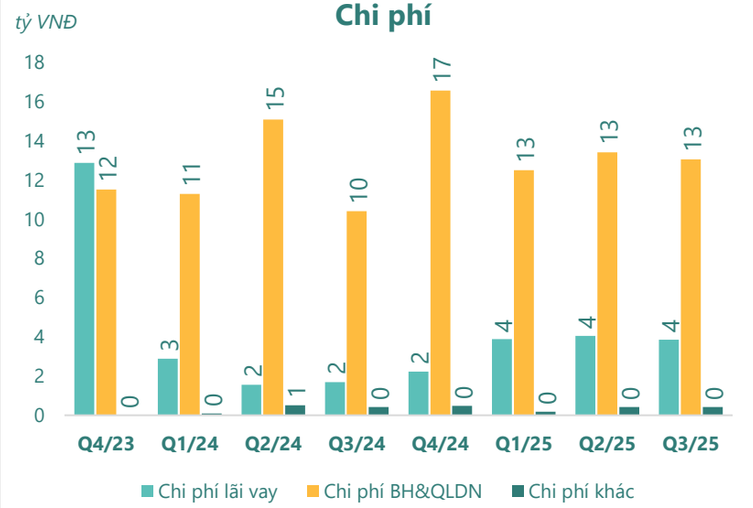
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



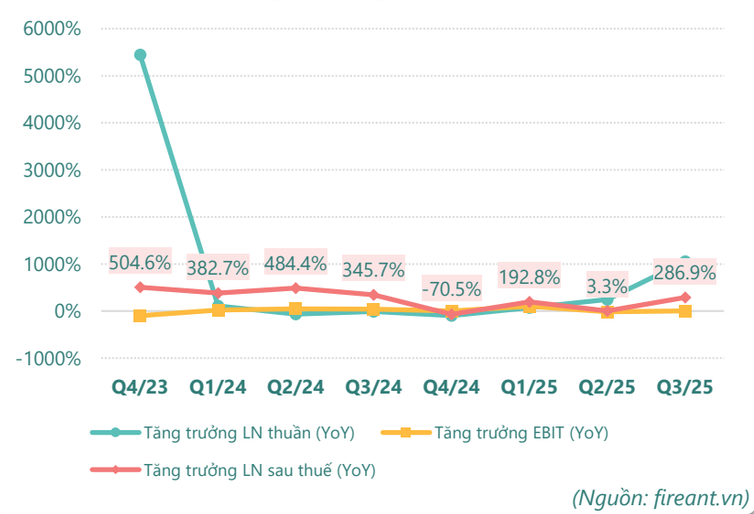
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



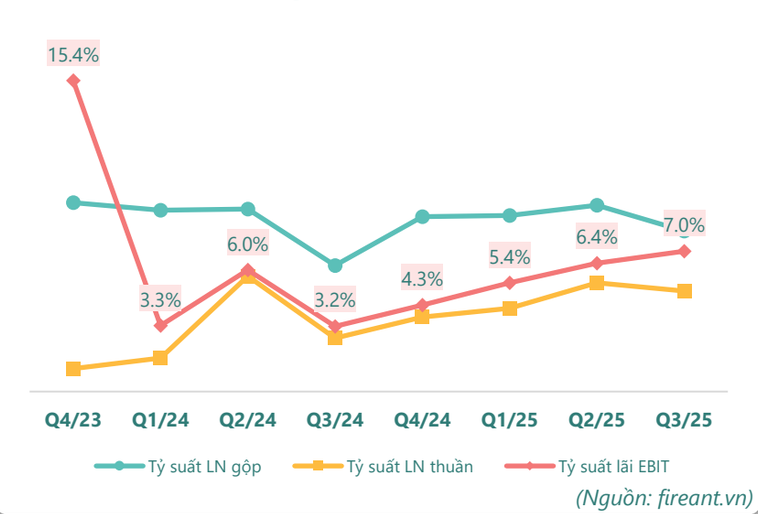
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



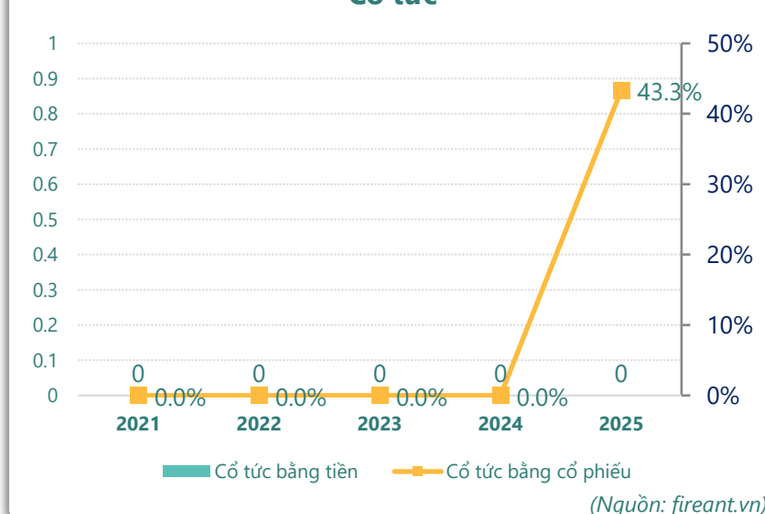
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

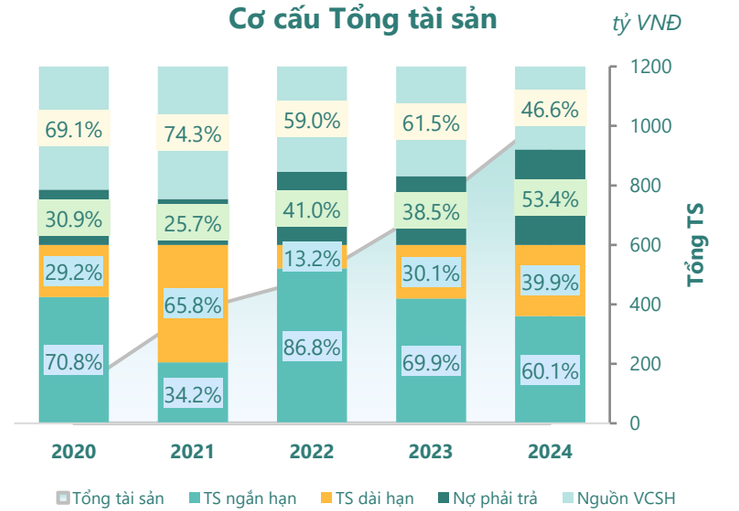
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

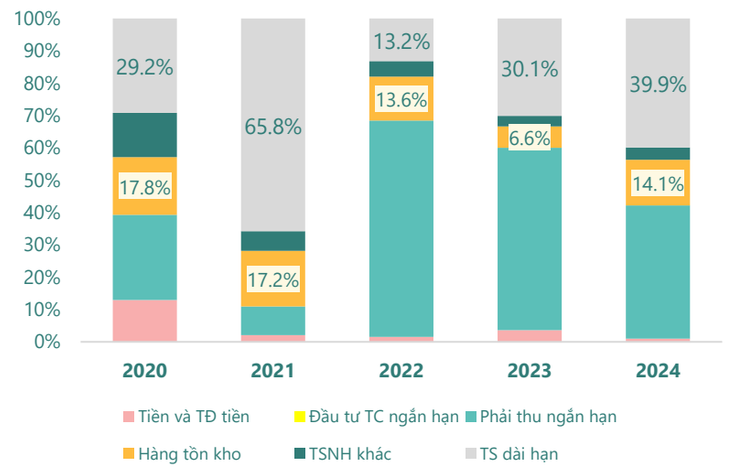
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



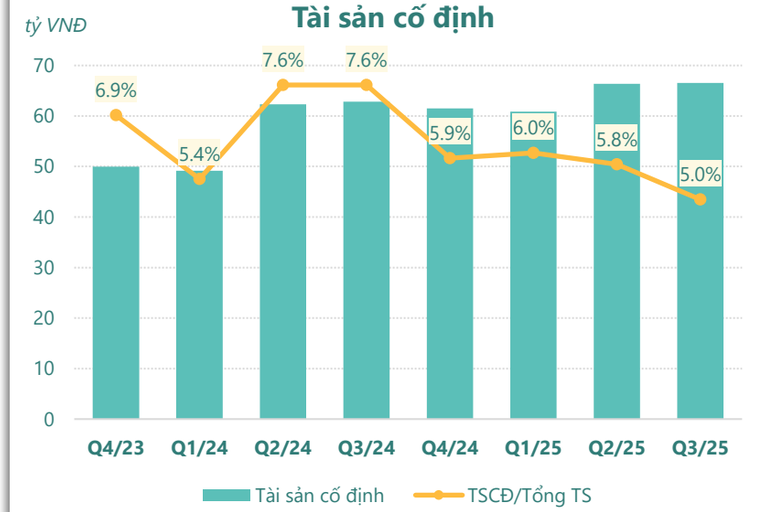
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



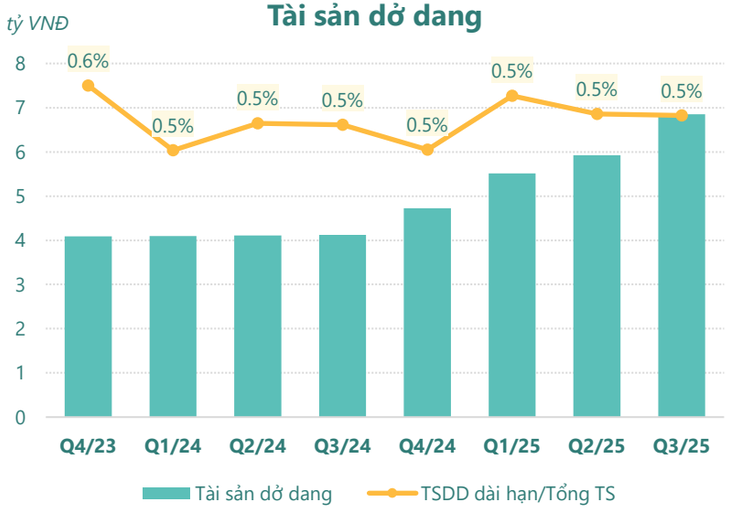
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



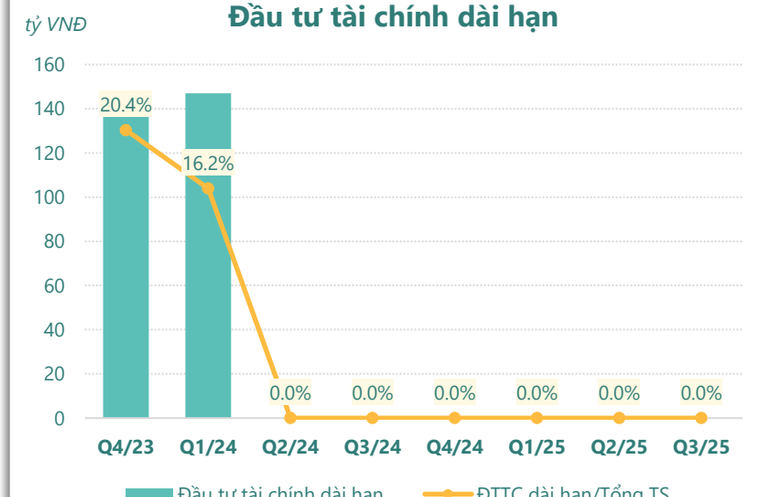
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



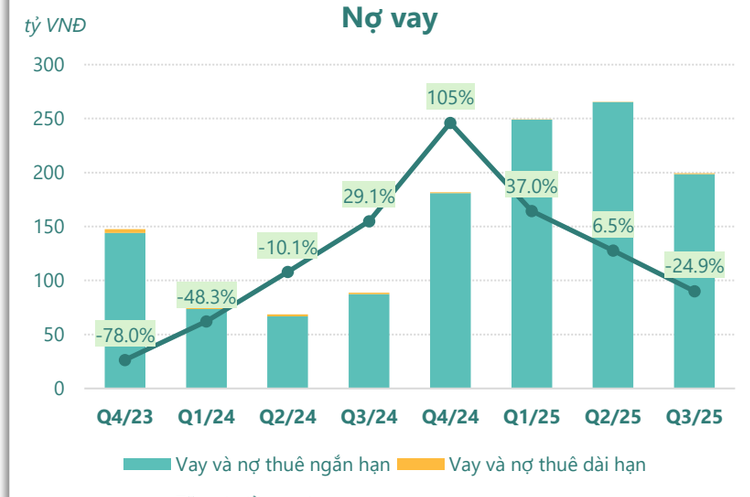
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

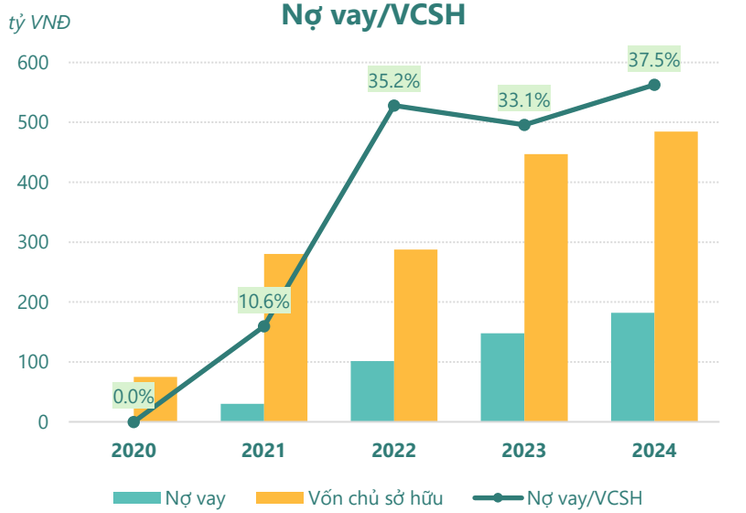
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

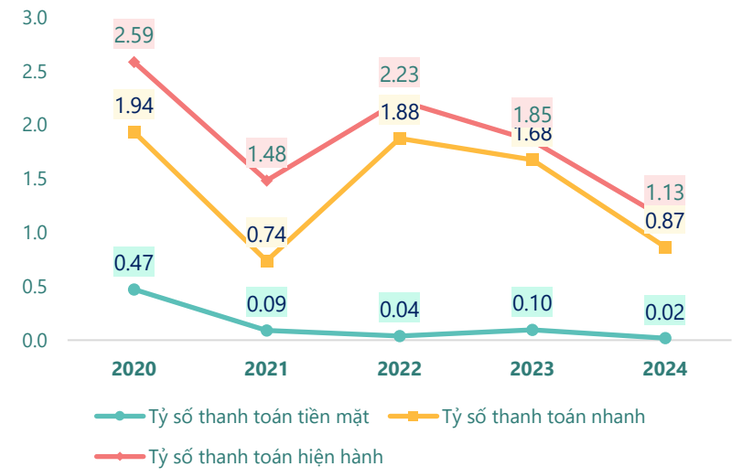
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



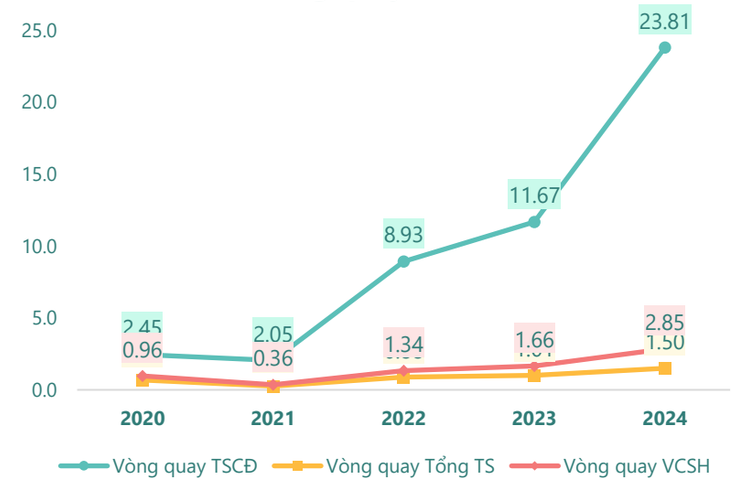
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



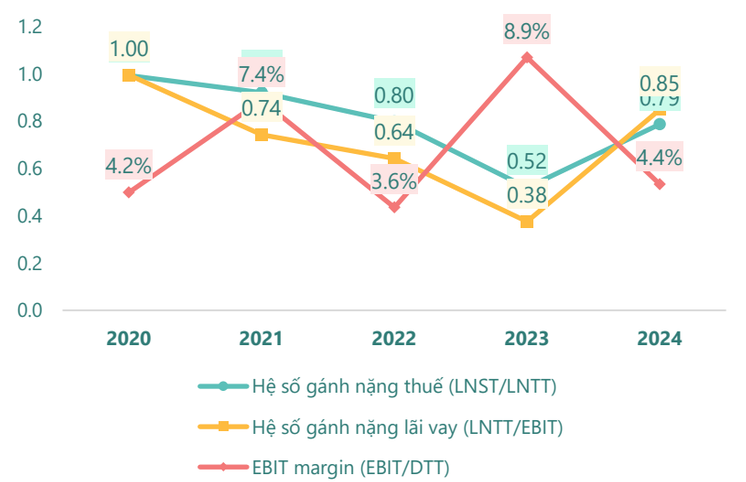
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



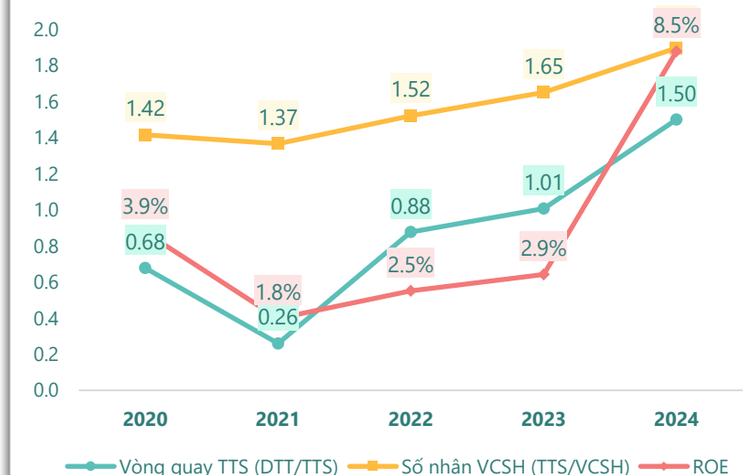
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



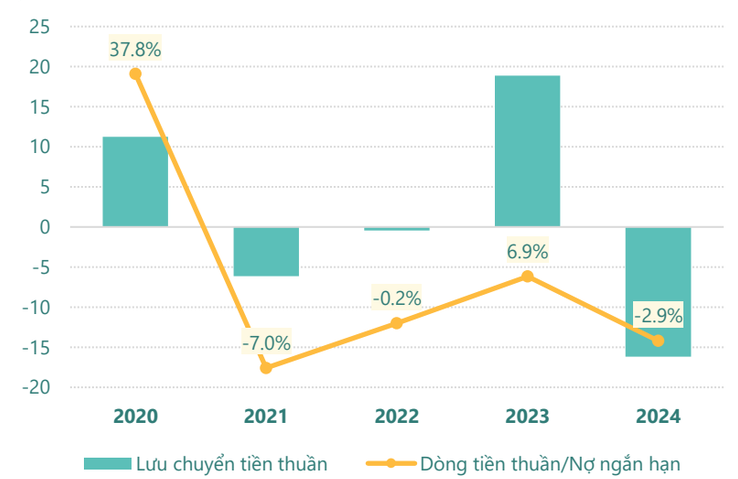
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**567**	**336**	**68.8%**	**1,375**	**949**	**44.9%**
Giá vốn hàng bán	522	315	65.7%	1,257	873	44.0%
Lợi nhuận gộp	45.2	21.0	115%	118	76.4	54.5%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	-3.1%	0.05	0.08	-35.2%
Chi phí TC	3.86	1.69	128%	11.8	3.99	196%
Chi phí lãi vay	3.86	1.69	128%	11.8	6.15	91.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.21	0.09	129%	1.23	0.49	152%
Chi phí QLDN	**12.9**	**10.3**	**24.8%**	**37.8**	**36.3**	**4.0%**
LN thuần từ HĐKD	28.3	8.92	217%	67.3	35.7	88.6%
Lợi nhuận khác	**7.36**	**0.25**	**2845%**	**8.35**	**0.35**	**2283%**
LN trước thuế	35.7	9.16	289%	75.7	36.1	110%
Lợi nhuận sau thuế	**28.5**	**7.32**	**290%**	**60.4**	**28.2**	**114%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.5**	**7.32**	**290%**	**60.4**	**28.2**	**114%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.63	-23.8	-97.5	-64.6	13.8	-43.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.5	-1.84	-0.74	-1.66	-7.51	-7.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.74	20.0	93.2	67.3	16.1	33.8
Tiền đầu kỳ	47.8	20.9	15.3	10.2	11.3	33.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-26.9**	**-5.61**	**-5.12**	**1.04**	**22.4**	**-17.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.9	15.3	10.2	11.3	33.7	15.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,340**	**1,041**	**28.7%**
Tài sản ngắn hạn	906	626	44.7%
Tiền và tương đương tiền	15.9	10.2	55.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	0	
Phải thu ngắn hạn	670	429	56.1%
Hàng tồn kho	172	147	16.7%
Tài sản ngắn hạn khác	43.5	39.9	9.1%
Tài sản dài hạn	**434**	**415**	**4.5%**
Phải thu dài hạn	315	315	0.1%
Tài sản cố định	66.5	61.5	8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.85	4.71	45.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**44.9**	**33.5**	**33.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	703	556	26.3%
Nợ ngắn hạn	**700**	**554**	**26.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	199	181	9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	227	250	-9.2%
Nợ dài hạn	2.70	2.78	-2.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.70	0.78	-10.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**637**	**485**	**31.4%**
Vốn chủ sở hữu	**637**	**485**	**31.4%**
Vốn điều lệ	530	300	76.7%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)